

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2020

V/v tranh chấp HNGĐ – Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Công Sết
2. Ông Huỳnh Văn Súc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân gia đình – Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tú E, sinh năm 1994

Nơi cư trú: tổ 3, ấp Phú Th, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985

Nơi cư trú: tổ 3, ấp Phú Th, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang

(Chị E xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú E trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ do mai mối được cha, mẹ hai bên Đ ý tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Xuân, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên gia đình anh Đ hạnh phúc đến năm 2017

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu về ngược đãi vợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã và ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: không có
- Về tài sản chung và nợ chung: không có
- Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt từ khi thụ lý vụ án nên không có lời trình bày

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội Đ xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội Đ xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên anh Đ vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị được xác lập do mai mối được cha, mẹ hai bên Đ ý tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Xuân, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên gia đình anh Đ hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu về ngược đãi vợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã và ly thân từ năm 2017 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tú E yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ, đề nghị Hội Đ xét xử xem xét.

Về con chung, tài sản và nợ không có tranh chấp nên không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập đến lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt, chị Tú E có đơn xin vắng mặt, chị cũng có ý kiến trình bày rõ ràng về vụ án, việc vắng mặt của anh Đ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên và hiện nay anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ 3, ấp Phú Thu, xã Phú Xuân, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Nên chị Tú E khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 2015 do mai mối được cha, mẹ hai bên Đ ý có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Xuân, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên gia đình anh Đ hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu về ngược đãi vợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã và ly thân từ năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân anh, chị không tạo điều kiện để hàn gắn, mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mười (mẹ ruột chị Tú E), nên chị Tú E yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị Tú E trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Tú E và anh Đ phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách Đ bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Tú E là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú E đối với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú E được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về quan hệ con chung, tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tú E phải chịu 300.000 Đ án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 Đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006397 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Văn Chiến